

Bản án số: 12/2022/HNGĐ-ST
Ngày 21-7-2022
V/v Ly hôn và tranh chấp nuôi con
khi ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN P, TỈNH H

- *Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Bùi Mạnh Q;

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Tô Sỹ T và bà Nguyễn Thị Q.

- *T ký ghi biên bản phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị H, T ký.

- *Đại diện VKSND huyện P tham gia phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Ngọc A,
Kiểm sát viên.

Ngày 21/7/2022, tại trụ sở; Tòa án nhân dân huyện P, tỉnh H xét xử sơ thẩm công khai vụ dân sự thụ lý số: 55/2021/TLST-HNGĐ, ngày 29/6/2021 về việc “Ly hôn và tranh chấp nuôi con khi ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 07/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 01/6/2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 05/2022/QĐST-HNGĐ ngày 14/7/2022 giữa các đương sự:

*** *Nguyên đơn:*** Chị Nguyễn Thị T, sinh năm 1985; “có mặt”

Địa chỉ: Thôn V, xã T, huyện P, tỉnh H;

*** *Bị đơn:*** Anh Nguyễn Anh V, sinh năm 1982; “vắng mặt”

Địa chỉ: Thôn V, xã T, huyện P, tỉnh H;

*** *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:***

1/ Cháu Nguyễn Thị Thanh T, sinh ngày 06/9/2006; “có mặt”

2/ Cháu Nguyễn Khánh H, sinh ngày 16/8/2011; “vắng mặt”

Cùng địa chỉ: Thôn V, xã T, huyện P, tỉnh H;

Đại diện hợp pháp của cháu T, cháu H: Anh Nguyễn Anh V và chị Nguyễn Thị T là bố mẹ đẻ của các cháu;

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho cháu T, cháu H: Ông Phạm Đức L - Trợ giúp viên pháp lý thuộc Trung T trợ giúp pháp lý nH nước tỉnh H; “có mặt”

3/ Ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1957; “vắng mặt”

4/ Bà Nguyễn Thị M, sinh năm 1957; “vắng mặt”

5/ Anh Nguyễn Văn T, sinh năm 1978; “vắng mặt”

6/ Chị Vũ Thị B, sinh năm 1982; “vắng mặt”

Cùng địa chỉ: Thôn V, xã T, huyện P, tỉnh H;

Người làm chứng: Bà Vũ Thị T, sinh năm 1958; địa chỉ: Thôn V, xã T, huyện P, tỉnh H. “vắng mặt”

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản lấy lời khai của nguyên đơn chị Nguyễn Thị T; bản tự khai, biên bản lấy lời khai của bị đơn anh Nguyễn Anh V trình bày:

* Về quan hệ hôn nhân:

- Chị Nguyễn Thị T trình bày: Chị và anh Nguyễn Anh V có đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện P, tỉnh H vào ngày 01/01/2006 theo quy định của pháp luật. Quá trình chung sống, tình cảm vợ chồng chị bình Tòng, đến năm 2018 vợ chồng chị bắt đầu phát sinh mâu T, nguyên nhân do anh V không chịu lo làm ăn, chơi đánh bạc dẫn đến nợ nần đến mức có cả xã hội đến đòi nợ anh V, khi đó chị và anh V đã sống ly thân nhưng cuối năm 2018 anh V đã xin lỗi, hứa sửa sai và tu chí làm ăn nên vợ chồng chị lại quay về chung sống với nhau được một thời gian ngắn nhưng anh V vẫn không hề thay đổi, vẫn không chịu làm ăn và vẫn đi theo bạn bè chơi đánh bạc. Chính vì anh V đánh bạc nợ nần nên vợ chồng có tài sản gì là anh V mang đi gán nợ hết. Do anh V không thay đổi tính nết nên giữa năm 2019 vợ chồng chị tiếp tục sống ly thân từ đó cho đến nay, mỗi người ở một nơi, không ai còn quan T và có trách nhiệm gì với nhau nữa. Việc anh V đánh bạc dẫn đến nợ nần nhiều, chị đã nhiều lần khuyên ngăn nhưng không được mà còn bị anh V chửi và đánh đập chị rất thậm tệ. Trong thời gian sống ly thân, chị đi làm ở đâu là anh V chặn đường đánh chị nên đầu năm 2021 chị đã phải lên H nội vừa đi làm vừa để tránh việc anh V đánh đập. Ngoài nguyên nhân nêu trên thì anh V còn nảy sinh ghen tuông vô cớ, chửi, đánh đập chị. Năm 2020 chị đã làm đơn xin ly hôn anh V ra Tòa án nhân dân huyện P nhưng do tình hình dịch Covid nên chị lại xin rút đơn về. Nay chị xác định không còn tình cảm vợ chồng với anh V, vợ chồng mâu T đã trầm trọng kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Nguyễn Anh V để mẹ con chị sớm ổn định cuộc sống.

- Anh Nguyễn Anh V trình bày: Anh và chị Nguyễn Thị T tự nguyện đi đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện P vào ngày 01/01/2006 theo quy định của pháp luật. Quá trình chung sống, đến cuối năm 2017 đầu năm 2018 vợ chồng anh phát sinh mâu T, do năm 2016 vợ chồng anh đầu tư chuồng trại chăn nuôi lợn nhưng không thuận lợi nên bị thua lỗ dẫn đến nợ nần nhiều. Vì nợ nần phải lo lắng, suy nghĩ nhiều dẫn đến cuộc sống vợ chồng rất căng thẳng sinh ra cãi vã nhau, chị T sợ phải gánh vác nợ nần nên sau lần cãi nhau căng thẳng chị T đã bỏ về nH bố mẹ để cùng thôn sinh sống từ ngày 10/8/2019 cho đến nay không quay về chung sống cùng với anh nữa. Từ khi chị T bỏ về nH bố mẹ để đến nay anh cũng đã mấy lần sang xin đón nhưng chị T không về. Việc chị T trình bày với Tòa án là anh không tu chí làm ăn, chơi đánh bạc dẫn đến nợ nần và còn đánh đập chị T là không đúng, không có căn cứ. Còn chị T cho rằng anh ghen tuông vô cớ là không chính xác, những lúc chị T vắng nH anh có gọi điện thoại hỏi đang ở đâu thì chị T nói là đi với trai làm anh bức mình. Nay chị T có đơn xin ly hôn, anh xác định mặc dù vợ

chồng có mâu T nhưng vì con cái, anh không muốn các cháu khổ nên anh không nhất trí ly hôn.

* Về con chung: Chị T và anh V xác nhận, anh chị có 02 con chung là cháu Nguyễn Thị Thanh T, sinh ngày 06/9/2006 và cháu Nguyễn Khánh H, sinh ngày 16/8/2011. Ly hôn, chị T có nguyện vọng xin được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cả hai cháu, nếu yêu cầu của chị không được chấp nhận thì cháu nào có nguyện vọng ở với chị thì chị cũng nhất trí và không yêu cầu anh V cấp dưỡng nuôi con chung. Anh V có quan điểm, nếu ly hôn anh có nguyện vọng được nuôi cả hai cháu và không yêu cầu chị T cấp dưỡng nuôi con chung và không đồng ý cho chị T nuôi dưỡng cháu nào.

* Về tài sản chung, công nợ, công sức, ruộng canh tác:

- Về tài sản chung, công sức, ruộng canh tác: Quá trình làm việc tại Tòa án chị T, anh V có trình bày là vợ chồng anh, chị không có tài sản chung, công sức, ruộng canh tác; quá trình hòa giải, chị T và anh V thay đổi quan điểm xác nhận vợ chồng anh, chị có tài sản chung, công sức, ruộng canh tác nhưng anh, chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về công nợ:

+ Chị T trình bày: Tại đơn khởi kiện, quá trình làm việc tại Tòa án, chị có trình bày vợ chồng không có nợ chung, tuy nhiên quá trình hòa giải, chị T thay đổi quan điểm xác nhận vợ chồng có nợ 62.000.000 đồng tiền vay của ngân Hng chính sách xã hội huyện P, anh V đã thanh toán xong khoản nợ này nên chị không yêu cầu Tòa án giải quyết. Còn anh V trình bày vợ chồng chị có nợ của bố mẹ đẻ anh V số tiền 300 triệu đồng, nợ vợ chồng anh T, chị B số tiền 100 triệu đồng đó là việc anh V trình bày, anh V không đưa ra được căn cứ, chứng cứ gì nên chị không chấp nhận và không yêu cầu Tòa án giải quyết về vấn đề công nợ của vợ chồng.

+ Anh V trình bày: Vợ chồng anh có nợ bố mẹ đẻ anh (ông Nguyễn Văn T, bà Nguyễn Thị M) số tiền 300 triệu đồng; nợ vợ chồng anh Nguyễn Văn T, chị Vũ Thị B số tiền 100 triệu đồng nhưng cả hai khoản nợ này vì đều là người trong gia đình nên khi vợ chồng anh vay không có giấy tờ biên nhận gì. Ngoài ra, vợ chồng anh có vay ngân Hng chính sách xã hội huyện P số tiền 62 triệu đồng, một mình anh đã trả khoản vay này nên chị T vẫn phải có trách nhiệm trả anh khoản tiền anh đã bỏ ra để trả ngân Hng.

Anh đã nhận được thông báo của Tòa án về việc nộp đơn yêu cầu chia khoản nợ chung của vợ chồng và cung cấp tài liệu, chứng cứ liên quan đến khoản nợ chung. Vì anh không nhất trí ly hôn với chị T nên anh không yêu cầu Tòa án giải quyết vấn đề nợ chung của vợ chồng. Nhưng nếu phải ly hôn thì anh đề nghị Tòa án căn cứ pháp luật để giải quyết số nợ chung của vợ chồng anh. Tuy nhiên, anh không làm đơn yêu cầu phản tố cũng như cung cấp tài liệu, chứng cứ như thông báo của Tòa án nhân dân huyện P vì vấn đề nợ chung của vợ chồng anh đã trình bày với Tòa án.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

+ Cháu Nguyễn Thị Thanh T trình bày:

Bố mẹ cháu hay xảy ra mâu T đánh cãi nhau, nguyên nhân do bố cháu không chịu đi làm mà chơi đánh bạc dẫn đến nợ nần, có nhiều người đến đòi nợ nên bố cháu phải gán hết tài sản để trả nợ. Do bố cháu đánh đập mẹ cháu nhiều lần nên mẹ cháu đã về nH ông bà ngoại ở từ năm 2019 cho đến nay không quay về chung sống cùng với bố cháu nữa. Tháng 6 năm 2021 bố cháu đánh, đuổi, nói cháu không phải là con của bố cháu nên cháu đã sang ông bà ngoại nH cùng thôn ở từ đó cho đến nay. Nếu bố mẹ cháu ly hôn nhau cháu có nguyện vọng xin được ở với mẹ cháu vì ở với mẹ cháu sẽ được quan T, chăm sóc. Việc cháu có nguyện vọng xin được ở với mẹ cháu là hoàn toàn tự nguyện, không bị ai xúi giục hoặc bắt ép cháu phải lựa chọn ở với mẹ cháu. Cháu rất sợ bố cháu đánh đập nên cháu mong Tòa án chấp nhận nguyện vọng của cháu.

+ Cháu Nguyễn Khánh H trình bày:

Bố mẹ cháu có xảy ra mâu T cãi nhau và đánh nhau những khi bố cháu đi uống rượu say về. Năm cháu lên lớp 2 thì bố mẹ cháu không còn chung sống cùng nhau nữa, mẹ cháu về ông bà ngoại ở cùng thôn sinh sống, còn hai chị em cháu vẫn ở cùng với bố cháu, Hng ngày chị em cháu cũng được bố cháu chăm sóc cho ăn uống và cho đi học. Bố mẹ cháu không chung sống cùng nhau đã mấy năm nay rồi, nguyên nhân cụ thể về vấn đề gì thì cháu không biết, cháu chỉ biết bố mẹ cháu hay cãi nhau nhiều. Từ khi mẹ cháu đi đến nay, mẹ cháu vẫn Tòng xuyên gọi điện thoại hỏi thăm chị em chúng cháu và còn mua quần áo, sách vở gửi về cho chị em cháu. Cách nay khoảng hơn một tháng, chị gái cháu sang ông bà ngoại ở, còn cháu vẫn ở cùng với bố cháu. Nếu bố mẹ cháu ly hôn nhau, cháu có nguyện vọng xin được ở với bố cháu. Việc cháu lựa chọn ở với bố cháu là hoàn toàn tự nguyện, không bị ai bắt ép hoặc xúi giục cháu phải lựa chọn ở với bố cháu.

+ Anh Nguyễn Văn T, chị Vũ Thị B trình bày:

Giữa anh, chị với anh Nguyễn Anh V có quan hệ là anh em họ. Cuối năm 2014, đầu năm 2015, vợ chồng anh V có đặt vấn đề vay của vợ chồng anh chị số tiền 100.000.000 đồng, do vợ chồng anh chị không có tiền mặt nên đã thế chấp QSD đất của vợ chồng anh chị tại Ngân Hng NN và PTNN Việt Nam chi nhánh Tam Đa, huyện P để vay số tiền 100 triệu đồng về cho vợ chồng anh V vay nhưng không lấy lãi. Nay vợ chồng anh V ly hôn thì anh, chị đề nghị Tòa án giải quyết buộc vợ chồng anh V phải trả vợ chồng anh, chị số tiền 100 triệu đồng và không yêu cầu tính lãi suất.

+ Bà Nguyễn Thị M (mẹ đẻ anh V) trình bày:

Anh Nguyễn Anh V và chị Nguyễn Thị T có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật, quá trình chung sống, bà thấy hai anh chị hay xảy ra cãi nhau vặt, cách nay khoảng 03 năm vợ chồng mâu T trầm trọng vì nợ nần, anh V đánh bạc thua phải đi vay nợ của nhiều người không có khả năng thanh toán dẫn đến hai anh chị đánh cãi nhau. Do anh V nợ nần nhiều, chị T sợ phải gánh nợ nên đã bỏ về nH bố mẹ đẻ, sau đó chị T đi H Nội làm ăn không quay về chung sống cùng anh V nữa; anh V, chị T có 02 con chung, hiện chị T nuôi cháu T, còn anh V nuôi cháu H, Hng ngày vợ chồng bà chăm sóc, nuôi dưỡng cháu H, nếu vợ chồng anh V ly hôn nhau thì bà không yêu cầu vợ chồng anh V trích trả công sức vợ chồng bà chăm sóc, nuôi dưỡng cháu H; vợ chồng anh V không có tài sản gì chung, đất thì gia đình

bà cho ở nhờ, nH thì vợ chồng bà bỏ tiền xây dựng sau khi chị T bỏ nH đi; vợ chồng anh V mỗi người có 01 suất ruộng cấy nhưng anh V đánh bạc thua nên đã gán hết 02 suất ruộng của vợ chồng để trả nợ; về công nợ: Vợ chồng bà có thể chấp QSD đất tại NHNN và PTNN Việt Nam chi nhánh Tam Đa, huyện P để vay hộ vợ chồng anh V số tiền 300.000.000 đồng cho anh V xây chuồng trại chăn nuôi và để anh V trả nợ do chơi đánh bạc thua nhưng khi giao tiền cho anh V không cho ký nhận gì nên gia đình bà xác định khoản nợ 300.000.000 đồng tại NHNN và PTNN chi nhánh Tam Đa là khoản nợ của vợ chồng bà, không liên quan gì đến vợ chồng anh V, chị T; ngoài ra, anh T là anh họ của anh V đứng ra vay hộ anh V số tiền 100.000.000 đồng tại NHNN và PTNN chi nhánh Tam Đa.

+ Ngân Hng chính sách xã hội huyện P cung cấp thông tin:

Năm 2016 và năm 2017 hộ gia đình anh Nguyễn Anh V có vay của Ngân Hng theo chương trình hộ mới thoát nghèo số tiền 50.000.000 đồng và vay theo chương trình nước sạch vệ sinh môi trường nông thôn số tiền 12.000.000 đồng. Cả hai khoản vay nêu trên anh V đã thanh toán trả ngân Hng, hiện nay hộ anh V không còn khoản nợ nào tại ngân Hng nên Ngân Hng không có yêu cầu, đề nghị gì.

UBND xã T cung cấp thông tin: Chị Nguyễn Thị T và anh Nguyễn Anh V có đăng ký kết hôn tại UBND xã T, vào sổ đăng ký kết hôn số 02 ngày 01/01/2006 theo quy định của pháp luật. Nắm bắt tình hình tại địa phương được biết chị T, anh V có xảy ra mâu T, còn cụ thể về vấn đề gì địa phương không nắm được; chị T, anh V từ lâu không chung sống cùng nhau; chị T, anh V có 02 con chung, 1 cháu ở với anh V, 1 cháu ở với chị T; Chị T, anh V có tài sản gì chung hay không địa phương không nắm được. Chị T xin ly hôn anh V thì đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Người làm chứng bà Vũ Thị T (mẹ đẻ chị T) trình bày:

Khoảng 04 năm trở lại đây vợ chồng chị T luôn xảy ra mâu T, nguyên nhân xuất phát từ vấn đề kinh tế, anh V không tu chí làm ăn mà chơi đánh bạc dẫn đến thua và nợ nần nhiều, anh V mang tài sản của vợ chồng đi gán nợ hết; anh V còn Tòng xuyên chửi và đánh đập chị T, có những lần anh V còn sang chửi cả vợ chồng bà. Chị T và anh V không còn chung sống với nhau 03 năm nay. Vợ chồng chị T, anh V có 02 con chung là cháu Nguyễn Thị Thanh T và cháu Nguyễn Khánh H. Về tài sản chung, nợ chung, công sức, ruộng canh tác: Theo bà nắm được thì vợ chồng chị T không có tài sản gì chung, còn có nợ nần gì không thì bà không nắm được, không liên quan gì đến tài sản của gia đình bà nên bà không có yêu cầu, đề nghị gì về vấn đề tài sản.

Bị đơn anh Nguyễn Anh V vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không có lý do; anh Nguyễn Văn T, chị Vũ Thị B, ông Nguyễn Văn T, bà Nguyễn Thị M là những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa lần thứ ba không có lý do mặc dù anh V, anh T, chị B, ông T, bà M đã được Tòa án triệu tập hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa:

- Nguyên đơn chị Nguyễn Thị T trình bày:

+ Về quan hệ hôn nhân: Cho đến nay chị xác định không còn tình cảm vợ chồng với anh V, mâu T của vợ chồng chị đã trầm trọng, kéo dài, vợ chồng đã không chung sống cùng nhau từ năm 2019 cho đến nay, không ai còn liên quan và có trách nhiệm gì với nhau nữa nên chị vẫn giữ quan điểm đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Nguyễn Anh V.

+ Về con chung: Vợ chồng chị có 02 con chung là cháu Nguyễn Thị Thanh T, sinh ngày 06/9/2006 và cháu Nguyễn Khánh H, sinh ngày 16/8/2011. Từ khi chị và anh V sống ly thân cho đến nay, cháu T ở với chị, còn cháu H ở với anh V. Ly hôn, chị có nguyện vọng xin được chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cả hai cháu, trường hợp không được nuôi dưỡng cả hai cháu thì cháu nào có nguyện vọng ở với chị thì chị cũng nhất trí và không yêu cầu anh V cấp dưỡng nuôi con chung.

+ Về tài sản chung, công sức, ruộng canh tác: Vợ chồng chị có tài sản chung, công sức, ruộng canh tác nhưng chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

+ Về công nợ: Vợ chồng chị có nợ ngân Hng chính sách xã hội huyện P số tiền 62.000.000 đồng, anh V đã trả xong khoản nợ này cho ngân Hng nên chị không yêu cầu Tòa án giải quyết. Việc anh V trình bày vợ chồng chị có nợ ông Nguyễn Văn T, bà Nguyễn Thị M số tiền 300.000.000 đồng và nợ anh Nguyễn Văn T, chị Vũ Thị B số tiền 100.000.000 đồng là không có căn cứ, chị và anh V chưa bao giờ vay số tiền nêu trên của ông T, bà M và của anh T, chị B, còn anh V có vay hay không thì chị không nắm được nên chị không nhất trí quan điểm trình bày của anh V và chị cũng không có yêu cầu, đề nghị Tòa án giải quyết về vấn đề công nợ của vợ chồng.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan cháu Nguyễn Thị Thanh T trình bày: Sau khi bố mẹ cháu không chung sống cùng nhau, bố cháu đánh chửi và nói cháu không phải là con của bố cháu nên năm 2020 cháu sang ở với mẹ cháu và bà ngoại, từ khi cháu ở với mẹ cháu thì bố cháu không hỏi thăm, quan T gì đến cháu. Thời gian mẹ cháu đi làm ăn xa nH, cháu ở với bà ngoại, cháu đã lớn nên tự lo được việc ăn học. Nay bố mẹ cháu ly hôn nhau, cháu có nguyện vọng xin được ở với mẹ cháu.

- Đại diện VKSND huyện P phát biểu quan điểm:

+ Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, T ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã thực hiện đúng, đầy đủ các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông T, bà M, anh T, chị B chưa thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Tại phiên tòa, bị đơn anh V; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông T, bà M, anh T, chị B vắng mặt lần thứ hai không có lý do nên đề nghị HĐXX căn cứ Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự để xét xử vắng mặt anh V, ông T, bà M, anh T, chị B.

+ Về đường lối giải quyết: Căn cứ vào khoản 1 Điều 5, khoản 1 Điều 6, khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 51, 56, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội. Đề nghị Hội đồng xét xử xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị T, cho chị T được ly hôn với anh Nguyễn Anh V. Về con chung: Giao cháu Nguyễn Thị Thanh T cho chị T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng,

giáo dục cho đến khi cháu T đủ 18 tuổi; giao cháu Nguyễn Khánh H cho anh V trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi cháu H đủ 18 tuổi; chị T và anh V không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau. Về tài sản chung, công sức đóng góp, ruộng canh tác: Các đương sự không yêu cầu nên không đề nghị ra xem xét, giải quyết. Về công nợ: Nguyên đơn chị T không yêu cầu giải quyết, bị đơn anh V yêu cầu chia khoản nợ chung của vợ chồng nhưng không làm đơn yêu cầu, không cung cấp tài liệu chứng cứ nên không có căn cứ để xem xét, giải quyết. Về yêu cầu của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Nguyễn Văn T, chị Vũ Thị B yêu cầu vợ chồng anh V khi ly hôn phải trả số tiền 100 triệu đồng nhưng anh T, chị B không làm đơn yêu cầu, không cung cấp tài liệu, chứng cứ nên không có căn cứ xem xét, giải quyết. Sau khi chị T và anh V ly hôn, nếu anh V, anh T, chị B, ông T, bà M có đơn yêu cầu thì sẽ giải quyết bằng một vụ kiện dân sự khác. Về án phí: Chị Nguyễn Thị T phải chịu án phí sơ thẩm ly hôn theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa, Tòa án nhân dân huyện P, tỉnh H nhận định:

[1] Về thẩm quyền và thủ tục tố tụng giải quyết vụ án:

- Về thẩm quyền: Chị Nguyễn Thị T và anh Nguyễn Anh V có đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện P vào ngày 01/01/2006 theo quy định của pháp luật. Anh Nguyễn Anh V có hộ khẩu và hiện đang cư trú tại thôn V, xã T, huyện P, tỉnh H; chị T có đơn khởi kiện xin ly hôn anh V, Tòa án nhân dân huyện P thụ lý vụ án, giải quyết là đúng thẩm quyền quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về thủ tục tố tụng: Bị đơn anh Nguyễn Anh V, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Văn T, bà Nguyễn Thị M, anh Nguyễn Văn T, chị Vũ Thị B vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không có lý do; căn cứ vào Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự, HĐXX tiền Hnh xét xử vắng mặt anh V, ông T, bà M, anh T, chị B.

[2] Về quan hệ hôn nhân:

Căn cứ vào lời trình bày của các đương sự, kết quả xác minh tại UBND xã T có căn cứ xác định chị Nguyễn Thị T và anh Nguyễn Anh V kết hôn và có đăng ký kết hôn theo đúng quy định của pháp luật nên quan hệ hôn nhân giữa chị T và anh V là hợp pháp, được pháp luật công nhận. Quá trình chung sống, đến năm 2018 vợ chồng nảy sinh mâu thuẫn T đánh cãi chửi nhau. Nguyên nhân xuất phát từ vấn đề kinh tế, anh V chơi đánh bạc thua dẫn đến nợ nần nhiều, ảnh hưởng đến kinh tế gia đình, chị T có khuyên ngăn thì vợ chồng lại xảy ra đánh cãi chửi nhau; ngoài ra, anh V còn nảy sinh ghen tuông vô cớ với chị T. Do mâu thuẫn T nên chị T và anh V đã sống ly thân nhau mỗi người ở một nơi từ năm 2019 cho đến nay, vợ chồng không có cuộc sống chung, không còn quan T và có trách nhiệm gì với nhau nữa. Chị T có đơn khởi kiện xin ly hôn anh V, anh V cũng xác nhận vợ chồng có xảy ra mâu thuẫn T do nợ nần nhiều và đã sống ly thân nhau từ năm 2019 cho đến nay nhưng vì con cái nên anh không nhất trí ly hôn với chị T. HĐXX nhận thấy: Vợ chồng phải có nghĩa vụ yêu thương, tôn trọng, quan T, giúp đỡ nhau và sống chung với nhau, tuy nhiên từ năm 2019 cho đến nay chị T và anh V đã sống ly thân nhau, mỗi người ở một nơi, cả hai anh chị không còn quan T và có trách nhiệm gì với nhau nữa, việc anh V không nhất trí ly hôn cũng chỉ để gây khó khăn cho T. Do vậy, có căn cứ

xác định mâu thuẫn vợ chồng giữa chị T và anh V đã thực sự trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, chị T có đơn khởi kiện xin ly hôn anh V là có căn cứ nên cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị T.

[3] Về con chung: Chị Nguyễn Thị T và anh Nguyễn Anh V đều xác nhận vợ chồng có 02 con chung là cháu Nguyễn Thị Thanh T, sinh ngày 06/9/2006 và Nguyễn Khánh H, sinh ngày 16/8/2011, hiện nay cháu T đang ở cùng với chị T, còn cháu H đang ở cùng với anh V. Ly hôn, chị T có nguyện vọng xin được nuôi dưỡng cả hai cháu, trường hợp không được nuôi dưỡng cả hai cháu thì cháu nào có nguyện vọng ở với chị thì chị cũng nhất trí và không yêu cầu anh V cấp dưỡng nuôi con chung; anh V cũng có nguyện vọng xin được nuôi dưỡng cả hai cháu và không yêu cầu chị T phải cấp dưỡng nuôi con chung và không nhất trí cho chị T nuôi dưỡng cháu nào. HĐXX xét thấy: Việc giao con chưa thành niên cho người trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng phải đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của con chưa thành niên như điều kiện vật chất, giới tính, lứa tuổi cũng như nguyện vọng của con chưa thành niên.

Chị T trình bày, hiện chị đang bán hàng trên Internet và cung cấp bảng thanh toán tiền lương có mức thu nhập bình quân từ 26 đến 27 triệu đồng/tháng, mặt khác cháu T đến nay đã 16 tuổi, lại có nguyện vọng tha thiết xin được ở với chị T. Còn anh V trình bày, anh làm công nhân tại công ty TNHH giày da Ngọc Tề ở huyện Tiên Lữ, tỉnh H, thu nhập từ 7 đến 8 triệu đồng/tháng, Tòa án đã yêu cầu anh V cung cấp tài liệu, chứng cứ chứng minh về nguồn thu nhập nhưng cho đến ngày xét xử anh V vẫn không cung cấp được cho Tòa án. Tuy nhiên, từ khi chị T và anh V sống ly thân cho đến nay, cháu H ở với anh V được anh V và ông bà nội cho ăn học đầy đủ, cháu H cũng có nguyện vọng xin được ở với anh V.

Xét yêu cầu của chị T và anh V xin được nuôi cả hai con chung thì thấy rằng điều kiện của hai anh chị là như nhau: Cả anh V và chị T đều đi làm xa nhà, không có thời gian trực tiếp chăm sóc con, thời gian chị T làm trên Internet cháu T nhờ bà ngoại chăm sóc; anh V đi làm công nhân sáng đi tối về nên cháu H nhờ ông bà nội chăm sóc. Nếu giao cả hai cháu cho chị T hoặc anh V chăm sóc sẽ không đảm bảo quyền lợi mọi mặt cũng như trái với nguyện vọng của các cháu. Do vậy, yêu cầu của chị T và anh V xin được nuôi cả hai cháu không được chấp nhận nên giao cháu T cho chị T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục và giao cháu H cho anh V trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi cháu T và cháu H đủ 18 tuổi là phù hợp với điều kiện của anh V, chị T và nguyện vọng của các cháu. Cả chị T và anh V đều không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung nên không buộc các bên phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau.

[4] Về tài sản chung, công sức, ruộng canh tác: Nguyên đơn và bị đơn đều không yêu cầu Tòa án giải quyết. Đây là sự tự nguyện của các bên đương sự nên HĐXX không đặt ra xem xét, giải quyết.

[5] Về công nợ:

- Nguyên đơn chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết, bị đơn anh V yêu cầu chia khoản nợ chung của vợ chồng, do nguyên đơn không yêu cầu, bị đơn yêu cầu nên yêu cầu của bị đơn được xác định là yêu cầu phản tố đối với nguyên đơn nhưng bị đơn anh V không nộp đơn yêu cầu phản tố, không cung cấp tài liệu chứng cứ theo thông báo của Tòa án nhân dân huyện P nên không có căn cứ xem xét, giải quyết.

- Về yêu cầu của anh Nguyễn Văn T, chị Vũ Thị B yêu cầu vợ chồng anh V khi ly hôn phải trả số tiền 100 triệu đồng, do nguyên đơn chị T không yêu cầu giải quyết, bị đơn anh V yêu cầu nhưng không nộp đơn yêu cầu phản tố nên yêu cầu của anh T, chị B được xác định là yêu cầu độc lập của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan nhưng anh T, chị B không nộp đơn yêu cầu, không cung cấp tài liệu, chứng cứ theo thông báo của Tòa án nhân dân huyện P nên không có căn cứ xem xét, giải quyết.

- Đối với người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông T, bà M, Tòa án đã thông báo nộp đơn yêu cầu và cung cấp tài liệu, chứng cứ liên quan đến số tiền 300.000.000 đồng theo như bà M trình bày là vợ chồng bà vay hộ anh V, chị T tại Ngân Hng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam chi nhánh Tam Đa, huyện P nhưng ông T, bà M không nộp đơn yêu cầu, không cung cấp tài liệu chứng cứ nên Tòa án không có căn cứ để xem xét, giải quyết.

Yêu cầu của anh V, anh T, chị B nêu trên không được Tòa án xem xét, giải quyết bởi lẽ, theo quy định tại khoản 1 Điều 5, khoản 1 Điều 6 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 thì Tòa án chỉ thụ lý giải quyết vụ việc dân sự khi có đơn khởi kiện, đơn yêu cầu của đương sự và chỉ giải quyết trong phạm vi đơn khởi kiện, đơn yêu cầu đó; đương sự có quyền và nghĩa vụ chủ động thu thập, giao nộp chứng cứ cho Tòa án và chứng minh cho yêu cầu của mình là có căn cứ và hợp pháp nhưng anh V, anh T, chị B không nộp đơn yêu cầu, không cung cấp tài liệu, chứng cứ mặc dù đã được Tòa án thông báo.

Sau khi chị T và anh V ly hôn, nếu anh V, chị T, anh T, chị B, ông T, bà M có phát sinh tranh chấp về vấn đề công nợ, có đơn yêu cầu thì sẽ giải quyết bằng một vụ kiện dân sự khác.

[6] Về án phí: Chị Nguyễn Thị T phải chịu án phí hôn nhân và gia đình theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Khoản 1 Điều 5, khoản 1 Điều 6, khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 51, 56, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị T, xử cho chị Nguyễn Thị T được ly hôn với anh Nguyễn Anh V.

2. Về con chung: Giao cháu Nguyễn Thị Thanh T, sinh ngày 06/9/2006 cho chị Nguyễn Thị T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi cháu T đủ 18 tuổi; giao cháu Nguyễn Khánh H, sinh ngày 16/8/2011 cho anh V trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi cháu H đủ 18 tuổi. Chị T và anh V không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau.

Sau khi ly hôn, chị Nguyễn Thị T và anh Nguyễn Anh V được quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục các con chung không ai được quyền cản trở.

3. Về tài sản chung, công nợ, công sức, ruộng canh tác:

3.1. Về tài sản chung, công sức, ruộng canh tác: Các bên đương sự không yêu cầu nên không xem xét, giải quyết.

3.2. Về công nợ: Nguyên đơn chị Nguyễn Thị T không yêu cầu Tòa án giải quyết; bị đơn anh Nguyễn Anh V; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Nguyễn Văn T, chị Vũ Thị B yêu cầu nhưng không làm đơn yêu cầu, không cung cấp tài liệu, chứng cứ theo thông báo của Tòa án; ông Nguyễn Văn T, bà Nguyễn Thị M đã được Tòa án thông báo nộp đơn yêu cầu và cung cấp tài liệu, chứng cứ nhưng ông T, bà M không nộp đơn yêu cầu và không cung cấp tài liệu chứng cứ nên không có căn cứ để xem xét, giải quyết.

Sau khi ly hôn, chị Nguyễn Thị T, anh Nguyễn Anh V, anh Nguyễn Văn T, chị Vũ Thị B, ông Nguyễn Văn T, bà Nguyễn Thị M có phát sinh tranh chấp về vấn đề công nợ, có đơn yêu cầu thì sẽ giải quyết bằng một vụ kiện dân sự khác.

4. Về án phí: Chị Nguyễn Thị T phải chịu 300.000 đồng án phí sơ thẩm ly hôn nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị T đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số: AA/2016/0003893, ngày 29/6/2021 của Chi cục Thi Hành án dân sự huyện P, chị T đã nộp đủ án phí sơ thẩm ly hôn.

5. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; bị đơn anh V, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông T, bà M, anh T, chị B có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- Viện KSND huyện P;
- Chi cục THADS huyện P;
- TAND tỉnh H;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Bùi Mạnh Quyền